

BỘ GIÁO DỤC và ĐÀO TẠO  
Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội  
Chương trình 52E

Lịch sử khai phá và  
vị trí chiến lược  
các tỉnh giáp biển Miền Trung

Tập thể tác giả

GS Phan Huy Lê (chủ nhiệm)  
TS Võ Minh Giang

C  
889

LỊCH SỬ KHAI PHÁ, NHƯNG ĐẶC ĐIỂM VỀ KINH TẾ -  
XÃ HỘI - VĂN HÓA VÀ VỊ TRÍ CHIẾN LƯỢC  
CỦA CÁC TỈNH DUYÊN HẢI MIỀN TRUNG

TS Vũ Minh Giang

I. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN.

Những kết quả nghiên cứu khảo cổ học cho biết cách ngày nay khoảng 6000 năm, tương ứng với giai đoạn đầu của loại hình văn hóa sau Hòa Bình (Post - Hoabinhian), con người đã có mặt trên hầu khắp các vùng đồng bằng ven biển miền Trung. Những cư dân khai phá vùng đất này chủ yếu di chuyển dần từ vùng núi phía tây xuống theo lưu vực các con sông. Ở giai đoạn muộn hơn, cư dân vùng này còn được bổ sung thêm bằng những nhóm người nói tiếng Malayo - Poninesie từ hải đảo tới.

Trải qua gần 2000 năm phát triển vùng đồng bằng duyên hải-miền Trung bước vào thời đại kim khí. Do quá trình trao đổi, giao lưu văn hóa, từ sự phát triển đa dạng, phong phú theo các vùng địa phương hẹp, trên toàn bộ dải đất này đã quy thành hai khu vực văn hóa lớn : từ bắc Bình Trị Thiên trở ra đến Thanh Hóa thuộc khu vực văn hóa Đông Sơn và từ nam Bình Trị Thiên trở vào đến Thuận Hải thuộc văn hóa Sa Huỳnh. Tuy hai nền văn hóa này có quan hệ và chịu ảnh hưởng của nhau nhưng là hai loại hình văn hóa có những đặc trưng riêng biệt.

Ở vào thời kỳ lập quốc, những cư dân phía bắc với tính chất Đông Sơn rõ nét, trở thành một bộ phận của quốc gia Văn Lang - quốc gia đầu tiên của người Việt. Trong khi đó, những vùng thuộc loại hình văn hóa Sa Huỳnh lại xây dựng nên những quốc gia sơ khai của mình, tiền thân của nước Lâm Ấp và Champa sau này.

Từ thế kỷ thứ 3 sau công nguyên, lịch sử của hai vùng cư dân nói trên bắt đầu phát triển trong những hoàn cảnh

rất khác nhau. Bộ phận phía bắc vẫn nằm trong ách đô hộ của phong kiến Trung Quốc, chịu ảnh hưởng của văn hóa Trung Hoa. Còn ở phía nam, sau khi nước Lâm Ấp ra đời, quốc gia độc lập của người Chăm có điều kiện phát triển tương đối mạnh mẽ và có xu hướng ngày càng xích gần lại nền văn minh Ấn Độ.

Thế kỷ X là cái mốc lịch sử quan trọng đối với người Việt nói chung, bao gồm cả cư dân miền bắc Trung Bộ. Đó là thời điểm đánh dấu bước mở đầu của kỷ nguyên độc lập tự chủ. Bắc Trung Bộ trở thành miền cực nam của Quốc gia Đại Việt. Từ đó, mặc dù ở liền kề nhau, sự phát triển của hai vùng cư dân ven biển miền Trung bị ngăn cách bởi biên giới quốc gia giữa hai nước, quy định bằng mốc giới tự nhiên là Đèo Ngang.

Trong hoàn cảnh mới, vùng phía bắc (Thanh Hóa và Nghệ Tĩnh) là nơi biên viễn xa chính quyền trung ương, vì vậy sự phát triển có phần bị chậm lại so với vùng đồng bằng sông Hồng. Cho đến tận thế kỷ XIII Thanh - Nghệ vẫn bị coi là các vùng "trại" (tương đương với các vùng miền núi xa xôi, kém phát triển) để phân biệt với vùng "kinh", nơi có trình độ phát triển mọi mặt cao hơn. Đặt trong tương quan chung của quốc gia Đại Việt, Thanh - Nghệ không đóng vai trò quan trọng về phương diện kinh tế. Ruộng đất ở đây ít mà không phì nhiêu. Khí hậu lại khắc nghiệt, không thuận lợi cho phát triển nông nghiệp. Tuy nhiên, các chính quyền Đại Việt luôn coi vùng này là trọng trấn do vị trí chiến lược về mặt quân sự.

Khác với hoàn cảnh của Thanh - Nghệ, vùng đất trung và nam Trung bộ, nằm trong cương vực của nước Champa, đã có những bước phát triển đáng kể, tạo nên bản sắc riêng của miền đất này.

Trong suốt thời trung đại, quan hệ giữa Đại Việt và Champa tuy có những giai đoạn hòa hiếu và tương trợ lẫn nhau, nhưng nhìn chung, các cuộc xung đột diễn ra tương đối thường xuyên.

Năm 1069, sau chiến thắng của quân đội nhà Lý do vua

Lý Thánh Tông đích thân chỉ huy và Lý Thường Kiệt làm tướng tiên phong trong trận tiến công vào kinh đô Vijaya của Champa, vua Champa đã phải cắt nhượng cho Đại Việt ba châu Bố Chính, Địa Lý và La Linh (tương đương với vùng Quảng Bình, Quảng Trị ngày nay) mở đầu quá trình mở rộng cương giới về phía nam của người Việt. Cùng với quá trình này là việc di dân Việt vào khai phá và sinh sống trên địa bàn của người Chăm. Quá trình này diễn ra thường xuyên trong suốt thời gian gần năm thế kỷ nhưng được đặc biệt đẩy mạnh từ thế kỷ XVI, khi Nguyễn Hoàng được cử vào trấn giữ hai xứ Thuận Hóa và Quảng Nam (một dải đất kéo dài từ Đèo Ngang đến đèo Cù Hông). Trong khoảng thời gian chưa đầy một thế kỷ, các vùng đất còn lại của quốc gia Champa cho đến tận cực nam Trung Bộ lần lượt bị gộp vào lãnh thổ quốc gia Đàng trong dưới quyền cai quản của các chúa Nguyễn. Tuy trên danh nghĩa, vương quốc Champa còn tồn tại mãi đến tận về sau, nhưng trên thực tế có thể coi giữa thế kỷ XVII là cái mốc đánh dấu sự tan rã hoàn toàn của quốc gia này. Toàn bộ dải đất miền Trung đã phát triển theo quỹ đạo của người Việt.

Với những đợt di dân ồ ạt trong hai thế kỷ XVI - XVII, người Việt đã chiếm lĩnh hầu hết các vùng kinh tế quan trọng và trở thành bộ phận chủ thể của cư dân trung và nam Trung bộ.

Tuy nhiên trong suốt thời gian từ đầu thế kỷ XVII đến cuối thế kỷ XVIII dải đất Trung bộ cũng không liền một khối. Sự chia cắt lần này do chính các tập đoàn phong kiến Việt gây ra. Sông Gianh được dùng làm giới tuyến ngăn cách Đàng Trong và Đàng Ngoài. Bắc Trung bộ, giới đây gồm cả địa phận huyện Quảng Trạch (Quảng Bình) nằm dưới quyền cai trị của tập đoàn vua Lê - chúa Trịnh. Từ bờ nam sông Gianh trở vào trong là địa phận thuộc vùng kiểm soát của chúa Nguyễn. Xuất phát từ yêu cầu khuyến khích phát triển kinh tế để nhanh chóng củng cố và mở rộng thế lực, các chúa Nguyễn đã có những chính sách kinh tế - xã hội tích cực hơn so với tập đoàn phong kiến Đàng Ngoài.

Với chính sách cởi mở, các chúa Nguyễn đã cho phép nhiều người nước ngoài đến nhập cư vào Đàng Trong. Đặc biệt

là từ sau năm 1644, khi ở Trung Quốc nhà Minh bị người Mãn Thanh lật đổ, một làn sóng di cư mạnh mẽ của người Hoa vào các vùng ven biển miền Trung đã làm biến đổi thành phần cư dân ở đây. Dọc theo ven biển từ Bình Trị Thiên đến Phú Khánh xuất hiện hàng loạt các điểm tụ cư thuần người Hoa - các làng Minh hương. Những Hoa kiều nhập cư này đã đem đến dải đất trung và nam Trung bộ lối sống và cách làm ăn của họ, làm phong phú và đa dạng thêm các hoạt động kinh tế và sinh hoạt văn hóa của Trung bộ.

Cuối thế kỷ XVIII - đầu XIX, khi đất nước được thống nhất cho đến tận năm 1945, miền Trung trở thành trung tâm của đất nước. Huế được chọn làm kinh đô của nước Đại Nam.

Từ sau hiệp nghị Geneve (1954) dải đất miền Trung lại bị chia cắt ở vĩ tuyến 17. Hơn 20 năm các tỉnh miền Trung phía bắc sông Bến Hải đi theo con đường của chủ nghĩa xã hội. Trong khi đó các tỉnh phía nam lại vận hành theo quỹ đạo của CNTB. Năm 1975, với thắng lợi trọn vẹn của chiến dịch Hồ Chí Minh, đất nước bước vào kỷ nguyên độc lập và thống nhất, dải đất Trung bộ mới lại được nối liền thành một khối.

Với những nét khái quát về lịch sử trên đây có thể rút ra một số đặc điểm sau :

1. Tuy về mặt tự nhiên các tỉnh duyên hải miền Trung có nhiều điểm tương đồng, có thể xếp chung vào một vùng địa lý, nhưng về mặt lịch sử, giữa các địa phương này lại có những điểm dị biệt đáng kể. Về đại thể, có thể chia thành ba nhóm vùng :

a) Vùng phía bắc, bao gồm Thanh Hóa và Nghệ Tĩnh là vùng mà đặc điểm cư dân và lịch sử phát triển gần gũi với vùng đồng bằng Bắc bộ hơn là với các tỉnh trung và nam Trung bộ. Từ xa xưa vùng này cũng đã thuộc dạng văn minh sông Hồng và trải qua các lần chia cắt số phận của các tỉnh này luôn gắn bó với Bắc bộ.

b) Vùng duyên tiến, là dải đất từ Đèo Ngang đến Quảng Trị. Đặc điểm của khu đệm này là nơi thường xuyên diễn ra các

cuộc tranh chấp, là chiến trường ác liệt, rất ít khi có điều kiện bình thường để phát triển kinh tế.

c) Vùng phía nam, bao gồm các tỉnh từ Thừa Thiên đến Thuận Hải, là vùng nằm trong lãnh thổ của quốc gia Champa có hơn 10 thế kỷ phát triển, là địa bàn cát cứ của các chúa Nguyễn gần hai thế kỷ và gần đây có hơn 20 năm phát triển theo CNTB nên có những đặc trưng riêng biệt khác hẳn các vùng phía bắc.

2. Sự phát triển của cư dân vùng phía nam chủ yếu là do chuyển cư từ vùng phía bắc nên mặc dù có nhiều sự khác biệt do hoàn cảnh lịch sử tạo ra, giữa các vùng miền Trung có mối quan hệ quê hương và dòng họ. Đó là cầu nối quan trọng làm giảm bớt sự cách biệt.

3. Do lịch sử để lại, kết cấu và tâm lí cư dân các tỉnh miền Trung khá phức tạp. Đây là nơi tập trung đông nhất người Chăm và một bộ phận quan trọng Hoa kiều ở Việt Nam.

## II. NHỮNG ĐẶC ĐIỂM VỀ KINH TẾ - XÃ HỘI.

Nét chung nhất của kinh tế các tỉnh ven biển miền Trung là mặc dù đất đai canh tác không nhiều nhưng nông nghiệp trồng lúa nước vẫn là ngành sản xuất chính. Tuy nhiên, phương thức canh tác và hình thức tổ chức sản xuất giữa các vùng không hoàn toàn giống nhau. Ở Thanh - Nghệ và trên một mức độ nào đó ở Bình Trị Thiên, phương thức canh tác và cấu trúc xóm làng nông nghiệp gần giống với mô hình đồng bằng Bắc bộ, nơi mà nghề trồng lúa nước gắn chặt với hệ thống đê điều và các công trình trị thủy. Trong khi đó, ở các vùng trung và nam Trung bộ tiền đề của nông nghiệp lại là hệ thống các công trình thủy lợi dẫn thủy nhập điền. Hình chất cộng đồng của cư dân đắp đê bao giờ cũng cao hơn, chặt chẽ hơn những vùng mà yêu cầu tập hợp lực lượng chỉ để làm và bảo quản các đập nước, yếm nước vừa và nhỏ.

Cùng với quá trình chuyển cư từ bắc vào nam, trong lịch sử sản xuất nông nghiệp ở miền Trung đã diễn ra sự hội

nhập hai loại hình canh tác truyền thống của người Việt và người Chăm theo xu thế mô hình sản xuất của người Việt ngày càng chiếm vị trí ưu trội.

Kết về tiến trình phát triển của chế độ sở hữu ruộng đất, có thể phân định thành hai vùng rõ rệt :

1) Vùng Thanh - Nghệ và Bình Trị Thiên quan hệ công hữu ruộng đất rất bền chặt và tồn tại rất dai dẳng. Cho đến tận cách mạng Tháng Tám (1945) ruộng công ở đây vẫn chiếm một tỉ lệ rất cao trong toàn bộ diện tích canh tác.

2) Vùng từ Quảng Nam - Đà Nẵng trở vào đến thế kỷ XVII chế độ tư hữu ruộng đất đã phát triển rất mạnh mẽ.

Khác với Thanh - Nghệ, sự phát triển kinh tế của các tỉnh trung và nam Trung bộ từ rất sớm đã có sự giao lưu mạnh mẽ. Mối quan hệ thương nguồn - hạ bản từ lâu đã là yếu tố bổ sung không thể thiếu cho sự phát triển kinh tế. Sự trao đổi thường xuyên và tự nhiên ấy là điều kiện thuận lợi cho kinh tế hàng hóa phát triển. Sự xuất hiện của người Nhật Bản và Trung Hoa đã làm cho những hoạt động thương nghiệp trở nên nhộn nhịp hơn. Trên các đầu mối giao thông lớn nhỏ ở hầu khắp các địa phương xuất hiện hàng loạt các tụ điểm buôn bán và sản xuất thủ công nghiệp với tên gọi thị tứ. Hình thức thị tứ này đã góp phần quan trọng vào việc làm giảm nhọt tính chất tự cấp, tự túc vốn có của các làng nông nghiệp.

— Nếu như các xóm làng của Nghệ-Tĩnh và Bình Trị Thiên còn mang tính chất đóng kín khá rõ nét thì làng trung và nam Trung bộ lại hình thành dọc các trục lộ giao thông. Đó là những làng có cấu trúc mở. Đặc điểm này, về khách quan có tác động thuận chiều cho việc mở rộng quan hệ giao lưu buôn bán.

Trên đất Quảng Nam - Đà Nẵng từ thế kỷ XVI đã xuất hiện một thương cảng quốc tế quan trọng - thành phố Hội An (Faifo). Hải cảng này đã đóng vai trò cửa ngõ của Đàng Trong cho đến tận thời điểm cảng Đà Nẵng hình thành.

Dải đất ven biển miền Trung là xứ sở của các ngành nghề thủ công truyền thống Việt Nam. Có thể nói không có nghề thủ công nào của Việt Nam mà ở miền Trung không có. Trái lại, có những nghề mà chỉ ở miền Trung mới có - chẳng hạn như nghề chế tác đá Ngũ Hành Sơn (Quảng Nam - Đà Nẵng). Ngoài ra ở miền Trung còn có nhiều nghề truyền thống, có lịch sử phát triển lâu đời như đánh bắt hải sản, nghề muối, khai thác yến sào ...

Từ bức tranh khái quát về kinh tế - xã hội của các tỉnh ven biển miền Trung có thể nêu ra một số đặc điểm sau:

1- Nếu như xét về mặt lịch sử cần phải có sự phân tách Thanh - Nghệ với các tỉnh trung và nam Trung bộ thì về mặt kinh tế - xã hội hai vùng này cũng có những đặc điểm khác nhau. Thanh - Nghệ là vùng nông nghiệp tương đối thuần. Các tỉnh trung và nam Trung bộ thì luôn gắn sản xuất nông nghiệp với các hoạt động trao đổi, buôn bán, kể cả ngoại thương. Tính năng động thương nghiệp (*dynamique commerciale*) của cư dân vùng này cao hơn các tỉnh phía bắc.

2- Mô hình các thị tứ với tư cách là các tụ điểm buôn bán, sản xuất thủ công nghiệp vừa và nhỏ nằm rải rác trên hầu khắp các tỉnh trung và nam Trung bộ là những nhân tố tích cực thúc đẩy sự phát triển của kinh tế hàng hóa.

3- Các tỉnh ven biển miền Trung có tiềm lực rất dồi dào về các ngành nghề thủ công nghiệp truyền thống.

### III. NHỮNG ĐẶC ĐIỂM VỀ ĐỜI SỐNG VĂN HÓA - TÌNH CHẠM.

Do những hoàn cảnh lịch sử đã trình bày ở trên, dải đất miền Trung là nơi diễn ra sự hội nhập hai phong cách văn hóa Việt và Chăm với xu hướng ưu thế của văn hóa Việt. Từ những bộ phận cư dân thuần Chăm và thuần Hoa, các đặc trưng của văn hóa Việt (phong tục, tập quán, lễ hội...) được bảo lưu khá rõ nét trên tất cả các tỉnh miền Trung.

Bên cạnh tính chất bản địa (Việt và Chăm) dải đất



miền Trung còn là nơi chịu ảnh hưởng của cả hai nền văn minh lớn : Trung Hoa và Ấn Độ. Có thể coi đây là vùng giao thoa ảnh hưởng của hai nền văn minh lớn đó. Xét về mức độ ảnh hưởng, có thể chia thành ba khu vực khác nhau :

1) Thanh - Nghệ là khu vực ít chịu ảnh hưởng của cả hai nền văn minh. Đây là nơi bảo lưu khá đậm các yếu tố Việt truyền thống.

2) Cố đô Huế, các vùng phụ cận và các tụ điểm người Hoa sống tập trung là khu vực chịu nhiều ảnh hưởng của văn minh Trung Hoa.

3) Nam Trung bộ và các tụ điểm tập trung người Chăm là khu vực chịu nhiều ảnh hưởng của Ấn Độ, nhưng ảnh hưởng này ngày càng yếu dần.

Với thương cảng Hội An, bên cạnh những hoạt động ngoại thương nhộn nhịp, dải đất miền Trung là một trong những nơi tiếp xúc đầu tiên với các luồng tư tưởng và phương thức làm ăn của châu Âu và là cửa ngõ du nhập đạo Thiên chúa vào Việt Nam. Chính trên mảnh đất này đã sản sinh ra những tư tưởng cải cách và những nhà cải cách lớn trong lịch sử nước ta. Và đây cũng là nơi sớm tiếp nhận lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin.

Biếm nói bật về mặt văn hóa của các tỉnh miền Trung là cho đến ngày nay vẫn còn bảo lưu rất nhiều kiến trúc có giá trị mà trên các vùng khác của đất nước không đâu có :

1. Thành cổ nhà Hồ (Thanh Hóa)
2. Khu di tích cố đô Huế
3. Các di tích của văn hóa Chăm (đền, tháp, mộ, thành...)
4. Khu đô thị cổ Hội An.

Những công trình kiến trúc và di tích lịch sử này ngoài những giá trị về khoa học và truyền thống còn là những nguồn lợi lớn nếu biết sửa sang, tôn tạo và kết hợp với ngành du lịch để khai thác.

#### IV. VI TRI CHIẾN LƯỢC.

Từ thời trung đại các tỉnh ven biển miền Trung đã giữ vị trí quan trọng trong chiến lược phòng thủ đất nước và các cuộc chiến tranh giải phóng đất nước. Khi đó, nguy cơ ngoại xâm chủ yếu là từ phía bắc nên vị trí xa xôi lại có thể liên hoàn núi rừng - đồng bằng - của biển của miền Trung (lúc đó chủ yếu là Thanh - Nghệ và bắc Bình Trị Thiên) đã làm cho vùng này trở thành hậu phương vững chắc trong các cuộc kháng chiến chống xâm lược. Các chính quyền của quốc gia Đại Việt luôn coi miền Trung là đất đứng chân.

Sang đến thời cận - hiện đại, khi mà nguy cơ xâm lược không phải chỉ từ phía bắc mà còn từ hướng biển thì nội dung của vị trí chiến lược của miền Trung có thay đổi. Do thế đất hẹp, lại là cầu nối giữa hai vùng quan trọng của đất nước nên miền Trung trở thành mục tiêu quân địch thường nhắm vào để tiến công, chia cắt.

Năm 1858 thực dân Pháp đã chọn Đà Nẵng để tiến công đầu tiên. Năm 1965 đế quốc Mỹ cũng lại chọn Đà Nẵng để đổ bộ lên những đơn vị lính Mỹ đầu tiên. Đó không phải là những hành động ngẫu nhiên mà đều nằm trong kế hoạch có tính toán kỹ càng của các tướng tá Pháp và Mỹ, xuất phát từ vị trí quan trọng có tính chiến lược của Đà Nẵng nói riêng và cả miền Trung nói chung.

Ở Phú Khánh có cảng Cam Ranh, một quân cảng tốt nhất của nước ta và có tiếng trên thế giới. Từ căn cứ này, hải quân có thể triển khai để khống chế con đường biển nối vùng Đông Á với Ấn Độ Dương, chi phối cả vùng biển Nam Trung Quốc.

Từ những đặc điểm đó, yêu cầu phòng thủ miền Trung là nhiệm vụ cực kỳ quan trọng.

Thuận lợi trong thế chiến lược của các tỉnh ven biển miền Trung là dựa được vào dải Trường Sơn hùng vĩ. Ở đó có cả một vùng cao nguyên bao la có thể hỗ trợ hữu hiệu cho vùng đồng bằng và ven biển.